

BÁO CÁO

Tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, (năm 2024)

Thực hiện Công văn 1377/ UBND- VX ngày 28/10/2024 về việc Báo cáo tình hình triển khai Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, (năm 2024). UBND xã Thanh An báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, cụ thể như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, UBND xã Thanh An báo cáo tình hình triển khai như sau:

1. Đánh giá khái quát tình hình vùng DTTS của xã: Đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế xã hội, dân số, quy mô dân số vùng DTTS.

Thanh An là một xã thuộc miền núi nằm ở phía Tây Nam của huyện Minh Long - tỉnh Quảng Ngãi, được thành lập và phát triển kể từ năm 1974 đến nay. Cách thị trấn Minh Long khoảng 2,5 km, cách trung tâm thành phố Quảng Ngãi khoảng trên 30km theo đường ô tô. Phía tây giáp xã Long Môn huyện Minh Long, phía Tây Nam giáp xã Ba Điền, huyện Ba Tơ, phía Đông giáp xã Long Hiệp, phía Đông Bắc giáp với xã Long Mai, huyện Minh Long, phía Tây Bắc, Tây Nam là dãy rừng phòng hộ đầu nguồn trải dài trên 40,5 km. Diện tích tự nhiên: 3.793,70 ha, chiếm 17,5 % tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Về kinh tế xã hội: Trong những năm qua, mặc dù thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức do các tác động như: thời tiết, dịch bệnh... Song, dưới sự quan tâm, chỉ đạo sát sao kịp thời của các cấp uỷ Đảng, HĐND, UBND xã và sự phối hợp chặt chẽ của MTTQ xã, các ngành đoàn thể, sự cố gắng nỗ lực của toàn hệ thống chính trị và tầng lớp Nhân dân, các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc tiếp tục được triển khai đồng bộ và đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, đóng góp tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Qua đó tình hình kinh tế - xã hội của xã đạt được kết quả khả quan trên nhiều ngành, lĩnh vực. Các công trình cơ sở hạ tầng, như: điện, đường, trường, trạm được quan tâm đầu tư khá đầy đủ và khang trang. Tổng diện tích lúa nước hiện nay là 471,5 ha tăng 03 ha so với đầu năm 2015, năng suất lúa năm 2015 là 43,43 tạ/ha đến năm 2021 đạt 46,31 tạ/ha, năng suất hàng năm đều tăng từ 02

đến 03 tạ/ha; sản lượng lương thực 2.183 tấn, thu ngân sách đạt 100% kế hoạch giao; thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 28 triệu/người/năm đến 30 tháng 6 năm 2021 là 41,095 triệu đồng/người/năm. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, TDTT, công tác tuyên truyền: Mừng Đất nước - Mừng Đảng - Mừng Xuân được diễn ra sôi nổi, rộng khắp trên địa bàn. Các chính sách an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm, thực hiện kịp thời, đúng chế độ. Công tác phòng, chống các loại dịch bệnh được triển khai thực hiện tốt. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Qua đó, tư tưởng, tâm trạng của người đồng bào DTTS rất an tâm làm ăn kinh tế, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước tại địa phương, tin tưởng tuyệt đối về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đề ra.

Về dân số, quy mô dân số vùng DTTS: Từ năm 2019 đến nay theo chủ trương sáp nhập thôn xã Thanh An còn 6 thôn và 6 khu dân cư, gồm: Thôn Đồng Vang, thôn Gò Nhiêu, thôn An Phương, thôn Thượng Đổ, thôn Đồng Càn, thôn An Thanh. Tổng dân số, gồm có 950 hộ, 3.688 khẩu, trong đó hộ dân tộc thiểu số chiếm 94,15%, hộ nghèo chiếm 10,10%.

2.Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, Hội đồng nhân dân và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong phối hợp triển khai thực hiện CLCTDT:

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác dân tộc, trong những năm qua, UBND xã tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đạt hiệu quả các Chỉ thị, nghị quyết và chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, như: Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về ban hành Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chỉ đạo việc triển khai thực hiện về Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình thoát nghèo, thoát cận nghèo ở vùng miền núi theo Quyết định 37/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Quyết định 951/QĐ-UBND ngày 9/11/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào DTTS ở vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2019 – 2025. UBND xã ban hành Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc triển khai phổ biến giáo dục pháp luật, đồng thời lồng ghép triển khai công tác tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn xã Thanh An đã được các công chức chuyên môn phối hợp với UBMTTQVN và các Hội đoàn thể xã tổ chức tuyên truyền, vận động cho tất cả cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu sâu sát về nội dung, ý nghĩa và mục đích Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi...

- *Công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung của CLCTDT:* Trong thời gian qua, UBND xã thường xuyên quán triệt, triển khai, thực hiện đầy đủ cá mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn

đến năm 2045 trên địa bàn xã. Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị, các Ban ngành đoàn thể, các công chức chuyên môn và các thôn trên địa bàn xã trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách thực hiện chiến lược công tác dân tộc, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện CLCTDT phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo các đơn vị, công chức xã xây dựng các văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, như: kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn xã, nhất là chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 20230, giai đoạn 1 từ 2021 – 2025.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong CLCTDT năm 2024

31. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN:

Việc thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra.

a) Dự án 1: *Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt năm 2024.*

+ Nội dung thực hiện: Hỗ trợ vốn nước sinh hoạt cho 33 hộ dân, định mức 3 triệu đồng/hộ. Hiện đang triển khai thực hiện.

b) Tiểu dự án 1 – dự án 4: *Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ đời sống, sản xuất trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

Tổng vốn phân khai: 510 triệu đồng, nội dung thực hiện: Duy tu, sửa chữa kênh mương Đồng Rinh, kinh phí thực hiện: 145.379.290 đồng. Duy tu, sửa chữa kênh mương Phiên Chá, kinh phí thực hiện: 364.620.710 đồng. Hiện đang triển khai thực hiện.

c) Tiểu dự án 2- dự án 9. Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu rất ít người và nhóm dân dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn. Nội dung thực hiện: Lắp đặt Pano và tổ chức hội nghị tuyên truyền về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tổng vốn phân khai thực hiện: 57,5 triệu đồng. Hiện đang triển khai thực hiện.

d) Tiểu dự án 3- dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình. Tổng vốn phân khai thực hiện: 11 triệu đồng. Hiện đang triển khai thực hiện.

- Kết quả xây dựng, thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc do địa phương ban hành.

+ Chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS:

Trong năm qua, người có uy tín đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy mạnh lao động sản xuất, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường đoàn kết, tích cực hưởng ứng và tham gia thực hiện tốt các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, nhiều vị đã phát huy có hiệu quả là hạt nhân gây dựng tình đoàn kết ở cộng đồng dân cư, giải quyết tốt những mâu thuẫn trong cộng đồng, là cầu nối giữa nhân dân với cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể tại địa phương; tham gia giám sát việc thực hiện các chính sách ở địa phương nhất là các chính sách về dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số, cùng gắn kết với nhau, loại bỏ các thủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới hỏi, thay đổi tư duy, tập quán sản xuất để cùng vươn lên phát triển kinh tế.

Hiện nay trên địa bàn xã có 02 kênh người có uy tín, một là người uy tín theo Quyết định 9747 của Tỉnh ủy có 06 người/06 thôn, hai là người uy tín theo Quyết định 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có 06 người/06 thôn. Việc chuyển báo Quảng Ngãi, báo Dân tộc và Phát triển cho người có uy tín luôn được kịp thời và đảm bảo đến tận tay người uy tín.

+ Chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào DTTS trong dịp tết Nguyên đán Nhâm dần năm 2024: Tiếp nhận và cấp phát các mặt hàng thiết yếu cho hộ đồng bào dân tộc trên địa bàn xã, đã cấp cho 901 hộ/ 3.500 khẩu đồng bào dân tộc thiểu số 4 mặt hàng tết gồm: 3.500 gói bột ngọt (gói 100g), 901 chai dầu ăn (chai 1 lít), 1.802 chai nước mắm (chai 1 lít) và 3.500 túi Muối I-ốt đảm bảo cho nhân dân dùng trong 3 ngày tết.

Đề án đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật cho vùng đồng bào DTTS theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg trên địa bàn miền núi:

Tư pháp xã đã tham mưu cho UBND xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí tại 06 thôn/năm. Trong năm 2024, UBND xã phối hợp với Ban ngành đoàn thể, Mặt trận TQ, công an, quân sự đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản Luật, Nghị định liên quan đến đời sống nhân dân trên địa bàn xã có trên 425 người tham dự.

- Báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu của CLCTDT trên địa bàn huyện năm 2024 (theo khung kèm theo).

4. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình xây dựng và thực hiện CLCTDT.

a/ Thuận lợi: Được sự quan tâm của Đảng, Nhà trong những năm qua đã có nhiều các Chương trình dự án, chính sách hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số cùng với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng ủy, HĐND, UBND xã và sự phối hợp chặt chẽ của MTTQ xã, các ngành đoàn thể, sự cố gắng nỗ lực của toàn hệ thống chính trị và sự đồng tình hưởng ứng tham gia của các tầng lớp Nhân dân, từ đó các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc được triển khai đồng bộ và đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã, tăng cường củng cố

khởi đại đoàn kết dân tộc, đóng góp tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương ngày một phát triển, bộ mặt nông thôn ở vùng dân tộc thiểu số ngày càng khởi sắc và khang trang hơn. Các công trình cơ sở hạ tầng, như: điện, đường, trường, trạm được quan tâm đầu tư khá đầy đủ và khang trang, các Chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất về cây trồng, vật nuôi được thực hiện có hiệu quả... Năng suất, sản lượng lúa nước hàng năm đều tăng từ 02 đến 03 tạ/ha; sản lượng lương thực tăng từ 03 đến 04 tấn/ha, thu nhập bình quân đầu người là 43 triệu/người/năm. Thu ngân sách trên địa bàn xã hàng năm đạt kế hoạch trên giao.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Huy động nguồn lực thực hiện Chương trình còn gặp nhiều khó khăn. Nhu cầu vốn là rất lớn, trong khi đó, nguồn vốn phân bổ của nhà nước còn quá thấp so với nhu cầu thực tế; vốn huy động trong dân rất hạn chế do thu nhập của người nông dân còn thấp; vốn huy động từ doanh nghiệp và các nguồn khác không có.

- Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tuy được cải thiện nhưng vẫn còn chưa đồng đều, thu nhập còn thấp.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế, nhất là tư tưởng “trông chờ, ỷ lại” vào sự đầu tư từ ngân sách nhà nước vẫn còn, tính tự lực, tự cường chưa phát huy đúng mức.

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện 3 chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 chưa đầy đủ, ban hành chậm trễ nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án...

5. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện CLCTDT năm 2025.

- Tăng cường tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đến đồng bào DTTS trên địa bàn. Chỉ đạo công chức chuyên môn thực hiện tốt nhiệm vụ công tác dân tộc; thực hiện có hiệu quả các chính sách của đảng, Nhà nước về chính sách dân tộc, chính sách đối với người có uy tín trên địa bàn xã. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2024 theo đúng kế hoạch đề ra.

- Duy trì công tác tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc phát huy nội lực trong cộng đồng dân cư để xây dựng cuộc sống mới, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; xây dựng mô hình kinh tế, đổi mới cách thức làm ăn, các hoạt động ứng dụng khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất. Hướng dẫn, vận động bà con các dân tộc thực hiện các chương trình giáo dục, y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình... nhằm nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần, vật chất, ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng an ninh.

- Năm bắt tâm tư, nguyện vọng, tình hình an sinh xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tình hình thiếu đói, thiên tai và những việc nổi cộm; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo đúng quy định.

5.1. Giải pháp thực hiện.

- Chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư các dự án phát triển sản xuất; các dự án đào tạo nghề, dự án xây dựng các làng nghề để giải quyết việc làm cho những lao động chưa có việc làm.

- Cần tăng cường thực hiện những chính sách ưu đãi đối với đồng bào dân tộc thiểu số được kịp thời, tăng cường các nguồn lực đầu tư cho đồng bào dân tộc thiểu số, hàng năm bố trí nguồn kinh phí hợp lý; có cơ chế, chính sách huy động mọi thành phần kinh tế và nhân dân tham gia đầu tư phát triển kinh tế cho đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương, từ đó tạo nên phong trào hăng hái thi đua lao động tăng gia sản xuất, tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững.

6. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Tiếp tục quan tâm tâm các chế độ chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đặc biệt là hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi cho vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, năm 2023.

- Định kỳ, hàng năm duy trì tập huấn, nâng cao kiến thức cho cán bộ, công chức kiêm nhiệm công tác dân tộc trên địa bàn xã.

Trên đây là báo cáo tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2024, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025. UBND xã Thanh An kính báo cáo phòng Dân tộc huyện theo dõi, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Phòng dân học
- CT & PCT UBND
- Lưu: VT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Xí

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN TỘC, NĂM 2024

1. Tăng trưởng kinh tế bình quân các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2023:..... đồng
- Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người năm 2023:..... đồng
- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2024 (dự kiến):..... đồng
- Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người năm 2024 (dự kiến):..... đồng
- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2024 (dự kiến):%

2. Chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (HDI) đạt trên 0,69

- HDI của tỉnh năm 2023
- HDI của tỉnh năm 2024

3. Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số:

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số năm 2020: 20.000.000 đồng người/năm
- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số năm 2023: 21.000.000 đồng người/năm
- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số năm 2024: 22.000.000 đồng người/năm

4. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%

- Tổng số hộ dân tộc thiểu số năm 2023: 901 hộ- Số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023:160 hộ
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023: 16,85%
- Tổng số hộ dân tộc thiểu số năm 2024: 900 hộ- Số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024: 91 hộ
- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2024: 9,57%

5. Tỷ lệ xã đặc biệt khó khăn

- Tổng số xã: 01
- Tổng số xã đặc biệt khó khăn:
- Tỷ lệ:%

6. Tỷ lệ thôn đặc biệt khó khăn

- Tổng số thôn: 06
- Tổng số thôn đặc biệt khó khăn:
- Tỷ lệ:%

7. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới

- Tổng số xã: 01
- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới:

- Tỷ lệ: 100%

8. Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông

- Tổng số xã: 01

- Tổng số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông:

- Tỷ lệ: 100%

9. Tỷ lệ thôn có đường ô tô từ thôn đến trung tâm xã được cứng hóa

- Tổng số thôn: 06

- Tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa:

- Tỷ lệ: 100%

10. Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân

- Tổng số xã:

- Tổng số xã có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân:

- Tỷ lệ:%

- Tổng số thôn: 06

- Tổng số thôn có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân:

- Tỷ lệ: 85%

11. Tỷ lệ số trường học được xây dựng kiên cố

- Tổng số trường: 03

- Số trường học được xây dựng kiên cố: 03

- Tỷ lệ: 100%

12. Tỷ lệ số lớp học được xây dựng kiên cố

- Tổng số lớp: 8

- Số lớp học được xây dựng kiên cố:

- Tỷ lệ: 100%

13. Tỷ lệ số trạm y tế được xây dựng kiên cố

- Tổng số trạm: 01

- Số trạm được xây dựng kiên cố: 01

- Tỷ lệ: 100%

14. Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp

- Tổng số hộ: 950 hộ

- Tổng số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp:

- Tỷ lệ: 100%

15. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh

- Tổng số hộ: 909
- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh:
- Tỷ lệ: 98,20%

16. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình

- Tổng số hộ: 940 hộ
- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình:
- Tỷ lệ: 95%

17. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe đài phát thanh

- Tổng số hộ: 940
- Tổng số hộ đồng bào dân tộc thiểu số được nghe đài phát thanh:
- Tỷ lệ: 100%

18. Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng:

- Tổng số thôn: 6
- Tổng số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng:
- Tỷ lệ: 100%

19. Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng:

- Tổng số thôn: 6
- Tổng số thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng: 03 thôn
- Tỷ lệ: 50%

20. Sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch

- Tổng số hộ phải sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch: không
- Tổng số đã được sắp xếp, bố trí ổn định số hộ di cư không theo quy hoạch: Không
- Tỷ lệ:%

21. Sắp xếp, di dời, bố trí số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở

- Tổng số hộ phải sắp xếp, di dời: 0 hộ
- Tổng số đã được sắp xếp, di dời: 0 hộ
- Tỷ lệ:%

22. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào

- Tổng số hộ thiếu đất ở, đất sản xuất: 0 hộ
- Tổng số đã được giải quyết đất ở, đất sản xuất: 0 hộ

- Tỷ lệ:%

23. Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường

- Tổng số trẻ em mẫu giáo 5 tuổi: 44 em
- Tổng số trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường: 44 em
- Tỷ lệ: 100%

24. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học

- Tổng số học sinh trong độ tuổi học tiểu học: 286 em
- Tổng số học sinh trong độ tuổi học tiểu học đang học tiểu học: 279 em
- Tỷ lệ: 98,9%

25. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở

- Tổng số học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở: 282 em
- Tổng số học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đang học trung học cơ sở:
- Tỷ lệ: 97,5%

26. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông

- Tổng số học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông: 91 em
- Tổng số học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông đang học trung học phổ thông :
- Tỷ lệ: 100%

27. Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông

- Tổng số người từ 15 tuổi trở lên:
- Tổng số người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông: 2.455 người
- Tỷ lệ: 99,2%

28. Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế

- Tổng số người dân tộc thiểu số: 3.518 người
- Tổng số người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế: 3.518 người
- Tỷ lệ: 100%

29. Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ

- Tổng số phụ nữ người dân tộc thiểu số mang thai: 58 người
- Tổng số phụ nữ người dân tộc thiểu số mang thai được khám thai định kỳ: 49 người
- Tỷ lệ: 85%

30. Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế

- Tổng số phụ nữ người dân tộc thiểu số sinh con: 35 người
- Tổng số phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế: 30 người
- Tỷ lệ: 100%

31. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân

- Tổng số trẻ em suy dinh dưỡng: 112 người
- Tổng số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: 43 người
- Tỷ lệ: 17,7%

32. Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm

- Tuổi thọ trung bình người dân tộc thiểu số: 69 tuổi
- Tuổi thọ trung bình nam giới người dân tộc thiểu số: 68 tuổi
- Tuổi thọ trung bình nữ giới người dân tộc thiểu số: 68 tuổi

33. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số

- Tổng số lao động người dân tộc thiểu số: 2.141 người
- Tổng số lao động người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề phù hợp:.....người
- Tỷ lệ:%
- Tổng số lao động nữ người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề phù hợp:..... người

34. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 2.291 người, chiếm tỷ lệ 98,25%, trong đó lao động nữ: 1.198 người.
- Công nghiệp và xây dựng: 23 người, chiếm tỷ lệ 1,10%, trong đó lao động nữ: 0 người.
- Dịch vụ: 15 người, chiếm tỷ lệ 0,65%, trong đó lao động nữ: 13 người.

35. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: 17 người (Trong đó: cán bộ 11, công chức 6)
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng: 17 người
- Tỷ lệ: 100%

36. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được quy hoạch

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số:
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được quy hoạch:
- Tỷ lệ:%

37. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức: 20 người
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: 17
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số: 85%

38. Trên 95% cán bộ, công chức cấp xã của Vùng có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, trong đó trên 70% có trình độ đại học và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 90% được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng

- Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên: 19 người, đạt tỷ lệ 95%
- Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trung cấp trở lên: 1 người, đạt tỷ lệ : 5%
- Cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên: 19 người, đạt tỷ lệ: 95 %
- Cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc: 20 người, đạt tỷ lệ 100%

39. Năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tăng bình quân 6,5%/năm

- Năng suất lao động xã hội năm 2023: 6,5% đồng
- Năng suất lao động xã hội năm 2024: 6,7% đồng

40. Phần đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa

- Tổng số hộ nông dân người dân tộc thiểu số: 900 hộ
- Tổng số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa: 35hộ
- Tỷ lệ: 3,88%

41. Xóa tình trạng nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái

- Tổng số hộ người dân tộc thiểu số: 900 hộ
- Tổng số hộ người dân tộc thiểu số không có nhà ở: 0 hộ
- Tỷ lệ hộ không có nhà ở: 0%
- Tổng số hộ người dân tộc thiểu số có nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố: 16 hộ
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đơn sơ, nhà thiếu kiên cố: 1,77%

42. Góp phần duy trì và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng của cả nước đạt tối thiểu 42%

- Tổng số diện tích rừng: 2267,66ha
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt: 59,75%